MÔ TẢ QUY TRÌNH TỔ CHỨC TUYỂN SINH HỆ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG VÀ ĐH VB2 CHÍNH QUY

| **TT** | **Tiến trình công việc** | **Đơn vị  thực hiện** | **Đơn vị  phối hợp** | **Căn cứ** | **Hồ sơ công việc**  **(Kết quả thực hiện)** | **Thời gian** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Kế hoạch tuyển sinh hệ liên thông lên đại học chính quy; hệ ĐH VB2 chính quy | ĐT |  | Theo quy định của Bộ GD&ĐT | Dự thảo Kế hoạch tuyển sinh hệ liên thông lên đại học chính quy; hệ ĐH VB2 chính quy | Trước 20 tháng 2 hàng năm |  |
| 2 | Thông qua Kế hoạch tuyển sinh hệ liên thông lên đại học chính quy; hệ ĐH VB2 chính quy | HĐTS |  | Dự thảo Kế hoạch tuyển sinh hệ liên thông lên đại học chính quy; hệ ĐH VB2 chính quy | - Biên bản họp HĐTS  Kèm theo Kế hoạch tuyển sinh hệ liên thông lên đại học chính quy; hệ ĐH VB2 chính quy đã được chỉnh sửa theo góp ý của HĐTS | Trước 10 tháng 3 hàng năm |  |
| 3 | Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh hệ liên thông lên đại học chính quy; hệ ĐH VB2 chính quy | ĐT |  | Biên bản họp HĐTS  Kèm theo Kế hoạch tuyển sinh hệ liên thông lên đại học chính quy; hệ ĐH VB2 chính quy đã được chỉnh sửa theo góp ý của HĐTS | Quyết định phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh hệ liên thông lên đại học chính quy; hệ ĐH VB2 chính quy | Trước 10 tháng 3 hàng năm |  |
| 4 | Công bố thông tin Tuyển sinh hệ liên thông lên đại học chính quy, ĐHVB2 chính quy | ĐT | - Phòng HC-QT đưa TT trên Web trường  - Khoa CNTT đưa TT lên công TTTS chung của trường  - Các đơn vị có liên quan | Theo quy định của Bộ GD&ĐT | - Thông báo tuyển sinh hệ liên thông lên đại học chính quy, ĐHVB2 chính quy  - Đưa thông tin lên Cổng TTTS của trường và các phương tiện TT đại chúng. | Trước 10 tháng 3 hàng năm |  |
| 5 | Tổ chức các kỳ thi tuyển sinh hệ liên thông lên đại học chính quy, ĐHVB2 chính quy (nhiều nhất là 2 kỳ thi trong năm) | ĐT | KT&ĐBCL, KHTC, HCQT, TTrPC, PA83 | Kế hoạch tuyển sinh hệ liên thông lên đại học chính quy; hệ ĐH VB2 chính quy | - Kết quả chấm thi các đợt thi  - Dự kiến điểm trúng tuyển  - Danh sách trúng tuyển (dự kiến) của các đợt thi | Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày thi |  |
| 6 | Thông qua kết quả của các kỳ thi tuyển sinh hệ liên thông lên đại học chính quy, ĐHVB2 chính quy. | HĐTS |  | Theo số lượng thực tế kết quả các đợt thi tuyển | - Biên bản họp HĐTS kèm theo:  + Điểm trúng tuyển  + Danh sách trúng tuyển của các đợt thi  + Kế hoạch nhập học các thí sinh trúng tuyển  + Giấy báo nhập học | Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày thi |  |
| 7 | Phê duyệt kết quả của các kỳ thi tuyển sinh hệ liên thông lên đại học chính quy, ĐHVB2 chính quy. | ĐT |  | Biên bản họp HĐTS kèm theo:  + Điểm trúng tuyển  + Danh sách trúng tuyển của các đợt thi  + Kế hoạch nhập học các thí sinh trúng tuyển  + Giấy báo nhập học | - Quyết định Điểm trúng tuyển và Danh sách trúng tuyển  - Giấy báo nhập học | Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày thi |  |
| 8 | Thành lập tổ rà soát trúng tuyển – nhập hoc | TCCB | Đào tạo | Tờ trình về việc thành lập tổ ra rà soát | Quyết định thành lập tổ rà soát |  |  |
| 9 | Rà soát danh sách thí sinh trúng tuyển, đã nhập học | Tổ rà soát | ĐT, QLSV, KHTC | - Quyết định về việc thành lập tổ rà soát  - Danh sách trúng tuyển  - Danh sách nhập học kèm theo Hồ sơ nhập học | Biên bản làm việc của tổ rà soát (kèm theo Danh sách trúng tuyển đã nhập học) | Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhập học |  |
| 10 | Phê duyệt Danh sách trúng tuyển đã nhập học | ĐT | Tổ rà soát | - Biên bản làm việc của tổ rà soát | Quyết định trúng tuyển đã nhập học | Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhập học |  |
| 11 | Báo cáo kết quả tuyển sinh | ĐT |  | Theo quy định của Bộ GD&ĐT | Báo cáo Bộ GD&ĐT và Bộ CT | Trước 31 tháng 12 hàng năm |  |